

Số: 08 /GPMT-PTNMT

Châu Thành, ngày 25 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 4015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Châu Thành;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ngày 22 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, địa chỉ: Lô C1, C2, C3, C4, C5 Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Vùng nuôi cá giống Châu Thành – Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Vùng nuôi cá giống Châu Thành - Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Thanh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành,

tỉnh An Giang, với tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc (phải): tiếp giáp với rẫy của hộ dân và Công ty Cổ phần Nam Việt;
 - + Phía Đông (trước): tiếp giáp với đất trống;
 - + Phía Nam (trái): tiếp giáp với khu nuôi cá thịt – Công ty cổ phần thủy sản NTSF;
 - + Phía Tây (sau): tiếp giáp với đất trống.
- Tọa độ vị trí các điểm mốc cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
Điểm A	567659	1156484
Điểm B	567881	1156718
Điểm C	567998	1156606
Điểm D	567687	1156256
Điểm E	567608	1156398
Điểm F	567672	1156461

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 16/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800648867

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nuôi trồng thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 84.885 m² tại ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Bao gồm các hạng mục công trình như sau:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
a	Diện tích các ao nuôi:	55.500
1	Ao cá bố mẹ	2.500
2	Ao số 01	4.600
3	Ao số 02	4.600
4	Ao số 03	4.600
5	Ao số 04	4.600

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
6	Ao số 05	4.600
7	Ao số 06	4.600
8	Ao số 07	5.200
9	Ao số 08	5.200
10	Ao số 09	5.200
11	Ao số 10	5.200
12	Ao số 11	4.600
b	Các hạng mục công trình phụ trợ	19.915
1	Đê bao xung quanh, bờ đê giữa các ao và các hạng mục công trình khác tại dự án	19.915
c	Các hạng mục bảo vệ môi trường	9.470
1	Ao lắng số 01	3.500
2	Ao lắng số 02	2.500
3	Kênh lắng rộng 13 x 190 m	2.470
4	Ao chứa bùn	1.000
Tổng		84.885

- Quy mô, công suất của dự án: tổng lượng cá bột thả nuôi khoảng 79.500.000 con/năm.

- Tổng mức đầu tư: 18.000.000.000 đồng. Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III (phân loại theo tiêu chí quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả, nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành), cơ quan chức năng địa phương (UBND xã Bình Thạnh) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 11 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2034).

Điều 4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường thuộc UBND xã Bình Thạnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Ban Lãnh đạo Phòng;
- Lưu: VT, HS.



Nguyễn Ngọc Được

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-PTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của lao động làm việc tại cơ sở 1,0 m³/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình thay nước các ao nuôi cá khoảng 2.500 m³/ngày.đêm đến 5.200 m³/ngày.đêm (Ao lắng có thể tích 42.350 m³, có khả năng lưu chứa nước thải trong ao tối đa khoảng 08 ngày).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý tại ao lắng số 02 thải ra kênh Út Nhung.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Út Nhung.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại kênh Út Nhung thuộc ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Vị trí xả nước thải của cơ sở có tọa độ: X = 567760; Y = 1156439 (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45 múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5.201 m³/ ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống ao lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) sẽ tự chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh Út Nhung thuộc ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bằng cống xả bê tông có đường kính 1.000mm, chiều dài L= 06m.

- Hình thức: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hàng ngày.

- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT cột A), cụ thể như sau:*

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) ($Kq = 0,9$; $Kf = 0,9$)
1	pH	-	6 - 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	40,5
3	COD	mg/L	60,75
4	BOD ₅	mg/L	24,3
5	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn thể tích 13 m³ để xử lý sơ bộ được dẫn về ao lắng số 02 trước khi thải ra kênh Út Nhung.

- Nước thải từ ao nuôi số 1 đến ao nuôi số 06 được dẫn về ao lắng số 1 bằng cống xả bê tông có đường kính 1.000 mm, chiều dài khoảng 2 m bằng phương thức tự chảy (Có 6 ao nuôi nên sẽ có 6 đoạn cống xả như nhau), sau đó được dẫn về ao lắng số 2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Út Nhung.

- Nước thải của các ao nuôi số 7 đến ao nuôi số 11 được dẫn về ao lắng số 01 bằng ống PVC có đường kính 400 mm, chiều dài ống nối từ ao nuôi ra cống xả khoảng 2 m bằng phương thức tự chảy (Có 5 ao nuôi nên sẽ có 5 đoạn ống xả như nhau), sau đó được dẫn về ao lắng số 02 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Út Nhung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Ao lắng số 02 → Xử lý sinh học kết hợp thủy sinh thực vật (Lục bình) → Kênh Út Nhung.

- Công suất thiết kế: 01 bể tự hoại có khả năng xử lý khoảng $2,4\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ao lắng số 1 → Xử lý sinh học kết hợp thủy sinh thực vật (Lục bình) → Ao lắng số 02 → Xử lý sinh học kết hợp thủy sinh thực vật (Lục bình) → Kênh Út Nhung

- Công suất thiết kế: công suất xử lý khoảng 42.350 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành: Tháng 12/2024.

- Thời gian kết thúc vận hành: Hết tháng 05/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại kênh Út Nhung thuộc ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Tọa độ: X = 567760; Y = 1156439 (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh
1	pH	-	QCVN40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	
3	COD	mg/L	
4	BOD ₅	mg/L	
5	Coliform	MPN/100ml	

2.3. Tần suất lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định 03 ngày liên tục từ ngày 15/03/2025 đến ngày 17/03/2025: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-PTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (Kg)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	05
2	Bao bì mềm thải (Không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ) gồm bao bì thuốc và thùng chứa thuốc	Rắn	14 01 05	12
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	10
Tổng				27

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bao bì chứa thức ăn: 0,72 tấn/năm.
- Khối lượng các loại chất thải khác (Giấy văn phòng, các loại thùng chứa vi sinh, các màng chống thấm HDPE hỏng): khoảng 200 – 300 kg/năm.
- Xác cá chết: 795.000 con/năm.
- Bùn nạo vét khoảng 16.650 m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 08 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng nhựa, thể tích 25 lít có nắp đậy kín, dán nhãn và biểu tượng chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

Dự án sử dụng kho chất thải nguy hại chung với kho chất thải nguy hại của Vùng nuôi Châu Thành - Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền xi măng, vách xung quanh bằng tole, mái tole, phía trước có dán băng “Kho chứa chất thải nguy hại”.

Hàng năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn do chưa có phương án vận chuyển xử lý khả thi hoặc chưa tìm được đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp thì sẽ báo cáo định kỳ hàng năm về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại dự án với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh bằng văn bản hoặc kết hợp trong báo cáo môi trường định kỳ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bao chứa thức ăn sau sử dụng sẽ thu gom chứa tại 1 góc cố định trong nhà kho (Sử dụng chung với nhà kho hiện hữu của Vùng nuôi Châu Thành - Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF) và định kỳ hợp đồng bán cho các doanh nghiệp có chức năng tái chế hoặc tái sử dụng;

- Các loại chất thải khác như: Giấy vụn phòng, thùng chứa vi sinh,... Được thu gom chứa tại 01 góc cố định trong nhà kho và định kỳ bán cho những cơ sở có chức năng tái chế hoặc những hộ dân thu mua phế liệu dạo.

- Khu xử lý cá chết: Trong khu vực cơ sở, nằm cạnh ao lắng số 02. Trong khu xử lý cá chết đào hố xử lý hình vuông có kích thước dài x rộng x sâu = 4 m x 2 m x 4 m, thể tích: 32 m³. Hố xử lý là hố đất xung quanh và đáy hố được lót kín bạt nilong; Trên miệng hố có nắp đậy kín và có hàng rào bảo vệ để tránh động vật xâm nhập và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Trường hợp khối lượng cá chết nhiều hơn, khu này không đủ sẽ đào thêm ô bên cạnh.

- Ao chứa bùn: bố trí cạnh ao nuôi cá bột số 11. Diện tích 1.000 m², độ sâu 1 m, tổng thể tích ao chứa là 4.000 m³. Kết cấu ao chứa bùn: Đất tự nhiên.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 15 thùng loại 40 lít.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt: Cạnh ao nuôi số 05 của Vùng nuôi Châu Thành – Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

- Đối với các loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng hoặc tái chế được thu gom, lưu trữ và định kỳ bán cho các cơ sở tái chế.

- Đối với các loại chất thải rắn sinh hoạt không thể tái chế: Quản lý Vùng nuôi sẽ yêu cầu công nhân hàng ngày thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh đem đến chỗ tập kết rác thải, cuối ngày sẽ cử công nhân mang sang đường bên kia sông, có xe thu gom đến thu gom mang đi xử lý. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt, đến thu gom mang đi xử lý mỗi ngày theo quy định của pháp luật.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-PTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải được quản lý để giảm sử dụng, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Vùng nuôi cá giống Châu Thành - Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (đính kèm theo).

7. Chủ cơ sở có trách nhiệm khai báo, đăng ký khai thác nước mặt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và không nằm trong phạm vi cấp phép của Giấy phép này.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.